TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS - ST
Ngày 28 tháng 5 năm 2024
"*V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản là tiền cho vay*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bằng

Ông Nguyễn Xuân Hùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nghiêm Xuân Huy, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2023/TLST - DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp kiện đòi tài sản là tiền cho vay", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Triệu Thị L, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Th, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Ông Dương Quỳnh H, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Th, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1960 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Th, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc
Anh Dương Ngọc C, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Th, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc
Anh Dương Mạnh Q, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Th, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc
Chị Dương Thị Minh T, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc
Anh Dương Tất Th, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Th, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc
Anh Dương Thành Tr, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Th, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Triệu Thị L trình bày: Bà và ông H do có quen biết là người cùng thôn nên năm 2015 và 2016 vợ chồng bà có cho ông H vay tiền để mua cá giống thả cá chăn nuôi tại hồ Suối Sải. Cụ thể vào ngày 17/5/2015 cho vay 10.000.000 đồng, ngày 02/5/2015 cho vay số tiền 7.000.000 đồng; ngày 30/5/2016 cho vay số tiền 15.000.000 đồng và ngày 31/5/2016 cho vay 20.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 52.000.000 đồng. Đối với khoản vay 52.000.000 đồng ông H trực tiếp viết xác nhận nợ và ký tên vào sổ của chồng bà là ông Dương Xuân H (ông H đã chết ngày 14/3/2020). Ngoài ra vợ chồng bà còn đứng tên vay hộ ngân hàng cho ông H 50.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên có viết giấy xác nhận nợ, thời gian không xác định, khi nào cần thì ông H trả tiền cho vợ chồng bà và không tính lãi. Bà xác định đây là tiền của vợ chồng bà và không liên quan đến các con. Quá trình vay nợ bà đã nhiều lần đòi tiền ông H nhưng ông H chỉ trả cho bà được tổng các lần trả tiền là 8.000.000 đồng. Bà xác định ông H còn nợ lại 94.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền cho ông H vay 50.000.000 đồng (vay hộ tại ngân hàng). Nay bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sông Lô giải quyết buộc ông H bà Ng trả cho bà số tiền 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng) còn nợ và bà tự nguyện không đề nghị tính lãi từ ngày cho vay cho đến thời điểm xét xử.

Bị đơn là ông Dương Quỳnh H trình bày: Ông H thừa nhận về mối quan hệ xã hội như bà L trình bày là đúng. Về các thời điểm vay tiền vào năm 2015 và năm 2016 như bà L trình bày cho ông vay số tiền 52.000.000 đồng là đúng. Ông xác định do cần tiền để đầu tư phát triển kinh tế nuôi thả cá ở hồ Suối Sải nên ông đến nhà ông H1 (chồng bà L đã chết năm 2020) hỏi vay số tiền 52.000.000 đồng. Khi vay tiền ông H trực tiếp viết xác nhận nợ và ký tên thỏa thuận nội dung vay thời gian không xác định, khi nào ông H1, bà L đòi thì ông trả tiền, lãi thỏa thuận miệng 2.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Đây là tiền ông vay để đầu tư phát triển kinh tế

nên bà Ng vợ ông có biết, hơn nữa khi thu hoạch thì bà Ng trực tiếp bán cá, thu tiền sử dụng chi tiêu sinh hoạt gia đình. Quá trình vay nợ, ông đã trả cho bà L được 8.000.000 đồng (5.000.000 đồng trả bằng tiền mặt, 2.000.000 đồng trả bằng cá và đã trả thêm 1.000.000 đồng). Đối với khoản vay 50.000.000 đồng bà L trình bày thì ông không đồng ý vì ông không vay và không có giấy tờ xác nhận.

Nay ông xác định chỉ còn nợ bà L 44.000.000 đồng và đồng ý trả nợ nhưng do hoàn cảnh ông phải đi làm thuê thu nhập thấp nên ông đề nghị cho được trả số tiền nợ thành nhiều lần. Cụ thể chia số tiền trên thành 15 lần trả, mỗi lần trả 3.000.000 đồng, trả lần đầu vào 30/9/2024, các lần sau trả vào ngày 30 các tháng tiếp theo cho đến khi trả hết nợ gốc và đề nghị xin bà Lkhông tính lãi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm trình bày: Bà xác nhận việc chồng bà là ông Dương Quỳnh H có nợ tiền của Triệu Thị Lnhưng bà xác định việc vay và trả nợ là trách nhiệm của ông H, không liên quan đến bà và các con.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Dương Ngọc C, anh Dương Ngọc Q, chị Dương Thị Minh T, anh Dươn Tất Th và anh Dương Thành Tr là các con của bà L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm trình bày: Đồng ý với nội dung, quan điểm như bà L trình bày và để bà L toàn quyền quyết định liên quan đến việc giải quyết vụ án và không có ý kiến gì. Do công việc nên đều đã làm đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định đúng quan hệ pháp luật và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 280 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/YBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông H và bà Ng phải trả cho bà L số tiền 44.000.000 đồng và đình chỉ giải quyết đối với số tiền 50.000.000 đồng; đề nghị giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng vắng mặt lần thứ hai không có lý do; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Dương Ngọc C, anh Dương Ngọc Q, chị Dương Thị Minh T, anh Dươn Tất Th và anh Dương Thành Tr đều có đơn đề nghị xét xử

vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên là phù hợp với quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong vụ án này bị đơn là cá nhân sinh sống tại xã Lãng Công, huyện Sông Lô; Nội dung thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là vay tiền, có giấy xác nhận nợ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đòi lại số tiền cho vay nên Tòa án xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp kiện đòi tài sản là tiền cho vay". Tòa án căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Sự việc vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn diễn ra từ năm 2015, năm 2016. Sau đó nguyên đơn nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn không trả nợ. Đây là vụ án tranh chấp về tài sản, yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự và Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện bà Loan khởi kiện yêu cầu ông H, bà Ng phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền còn nợ 94.000.000 đồng (chín mươi tư triệu đồng). Trong đó có khoản vay 50.000.000 đồng ngày 26/01/2015 và khoản vay 52.000.000 đồng theo xác nhận nợ các ngày 17/5/2015 và ngày 02/5/2015; ngày 30/5/2016 và ngày 31/5/2016). Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bị đơn phải trả nợ số tiền nợ 50.000.000 đồng và không đề nghị giải quyết trong vụ án này. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với nội dung rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông H, bà Ng phải có trách nhiệm trả số tiền 44.000.000 đồng thấy rằng: Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 52.000.000 đồng, đã trả được 8.000.000 đồng. Bị đơn đồng ý trả tiền cho nguyên đơn nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa trả được cho nguyên đơn. Bà Ng cho rằng đây là khoản nợ riêng của ông H và bà Ngkhông biết việc ông H vay tiền của bà L cũng như mục đích ông H vay tiền để làm gì nên không liên quan đến bà. Tuy nhiên tại phiên tòa ông H xác định số tiền vay của bà L được dùng vào việc mua cá giống để nuôi thả cá tại hồ Suối Sải mục đích phát triển kinh tế gia đình là phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Tại thời điểm năm 2010 ông H có ký hợp đồng thầu hồ Suối Sải với công ty TNHH Một thành viên công ty thủy lợi Lập Thạch thì bà Ng và ông H đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp và vợ chồng vẫn đang chung sống hòa thuận. Ông H xác nhận mỗi khi thu hoạch cá thì bà Ng đều trực tiếp đứng ra bán cá thu tiền và sử dụng vào chi tiêu sinh hoạt gia đình. Nguyên đơn cũng xác nhận

nhiều lần đến đòi tiền thì vợ bị đơn là bà Ng đều biết và trực tiếp khất nợ nhiều lần. Do vậy căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 288 Bộ luật dân sự, xác định nghĩa vụ trả nợ nêu trên là nghĩa vụ liên đới của vợ chồng ông H và bà Ng thì ông H, bà Ng phải có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L. Do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 166, Điều 280 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông H, bà Ng phải trả số tiền 44.000.000 đồng (bốn mươi tư triệu đồng).

Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn phải trả lãi cho khoản vay từ ngày vay cho đến thời điểm xét xử là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H, bà Ng phải chịu án phí tương ứng với số tiền phải trả. Tuy nhiên hiện nay cả ông H và bà Ng đều là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166; Điều 280; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 184; Điều 227, Điều 228, Điều 244; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với yêu cầu ông Hương, bà Nguyên phải trả khoản tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2. Buộc ông Dương Quỳnh H và bà Nguyễn Thị Ng phải có nghĩa vụ trả cho bà Triệu Thị L số tiền 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H, bà Ng không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thanh toán xong.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H và bà Ng được miễn án phí theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản

án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khương Đặng Khánh Hằng

Nơi nhận:
THẨM
- Viện kiểm sát nhân huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên Toà**

Nguyễn Đức Túc Nguyễn Thị Hiền Khương Đặng Khánh Hằng